

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ M'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2017/DS-ST

Ngày 16/8/2017

“V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Thắng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mạnh và bà Nguyễn Thị Hoài Bão

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Khắc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam  
Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồ Hiền – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ea Pôk – Chi nhánh huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Toàn Thắng, thị trấn Ea Pôk, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

(Theo giấy ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV – PC ngày 19 tháng 6 năm 2014 của chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank “V/v ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng” và giấy ủy quyền số 16 ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Giám đốc Agribank chi nhánh Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk: “V/v ủy quyền cho ông Nguyễn Hồ Hiền tham gia tố tụng, thi hành án”)

- ***Đồng bị đơn:*** Ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến

Cùng địa chỉ: thôn 4, xã Cư Suê, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2016 và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hồ Hiền trình bày:*

Ngày 15/10/2013 ông Nguyễn Bá Dũng, bà Nguyễn Thị Hồng Yến với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch Ea Pôk thuộc chi nhánh huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk (gọi tắt Ngân hàng) thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 5206LAV201304003 vay với số tiền 50.000.000đ, với thời hạn 13 tháng và hợp đồng thế chấp số 0086/09/12 ngày 17 tháng 10 năm 2012 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến. Đến ngày 15 tháng 11 năm 2014 đã hết thời hạn 13 tháng vay, ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như hợp đồng đã ký kết.

Tính đến ngày 10/11/2016 ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến nợ Ngân hàng số tiền 76.092.400đ (trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 26.092.400đ). Ngân hàng nhiều lần thông báo, đôn đốc và đến nhà làm việc nhưng ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến thường đi làm ăn ngoài địa phương nên không có kết quả.

Để thu hồi khoản vay nhằm bảo toàn vốn của nhà nước, đồng thời bảo đảm cho hoạt động của Ngân hàng. Nay Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến phải trả cho Ngân hàng số tiền trên và lãi phát sinh kể từ ngày khởi kiện đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến không trả số nợ trên thì Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ.

***Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

**Về tố tụng:** Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng còn vi phạm thời hạn xét xử

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập và niêm yết nhiều lần nhưng bị đơn đã không thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung:** Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 715, Điều 717, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến phải trả cho Ngân hàng số tiền 76.092.400đ (trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 26.092.400đ) tạm tính đến ngày 10/11/2016 và tiếp tục tính lãi từ ngày 11/11/2016 cho đến khi ông Dũng, bà Yến trả hết số tiền trên cho Ngân hàng. Trường hợp ông Dũng bà Yến không trả được số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự bán giá tài sản đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Dũng, bà Yến trả nợ được cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dũng, bà Yến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**1. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:** Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **2. Về tố tụng:**

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến lên Tòa làm việc nhiều lần nhưng ông Dũng bà Yến đã đi khỏi địa phương làm ăn và không báo cho chính quyền địa phương nơi cư trú và cũng không báo cho bên cho vay là Ngân hàng biết địa chỉ cư trú hiện nay. Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5 tháng 5 năm 2017 để giải quyết vắng mặt của bị đơn là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

#### **3. Về nội dung:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch Ea Pôk thuộc chi nhánh huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk với ông Nguyễn Bá Dũng có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 5206LAV201304003 ngày 15 tháng 10 năm 2013 vay với số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 13 tháng và hợp đồng thế chấp tài sản số 0086/09/12 ngày 17 tháng 10 năm 2012 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến. Xét thấy hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản được các bên tự nguyện thỏa thuận ký kết, đúng thẩm quyền, đúng mục đích vay

tại thời điểm ký kết, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Bá Dũng đã không thực hiện cam kết theo hợp đồng tín dụng mà ông đã ký, không trả tiền lãi và tiền gốc đúng theo quy định của hợp đồng là vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại điều 474 Bộ luật tố tụng Dân sự 2005 và điểm c, đ khoản 2 Điều 24 quyết định số 1627/2001/NQ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nhà nước việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng ngày 31/12/2001. Ông Dũng trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn Ngân hàng với mục đích là sử dụng tiền vay để mua sắm vật dụng gia đình và phương tiện đi lại. Tuy, bà Yến không ký hợp đồng tín dụng cùng ông Dũng nhưng bà Yến đã ký vào giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn nhu cầu đời sống để vay vốn cùng ông Dũng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến phải trả cho Ngân hàng số tiền 76.092.400đ (trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 26.092.400đ), tạm tính đến ngày 10/11/2016 và lãi suất phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng, tính từ ngày 11/11/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Trường hợp ông Nguyễn Bá Dũng, bà Nguyễn Thị Hồng Yến không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì căn cứ vào Điều 355 Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 1 Điều 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án bán đấu giá tài sản thế chấp hợp đồng thế chấp số 0086/09/12 ngày 17 tháng 10 năm 2012 giữa ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến với Ngân hàng ký kết bằng tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BL 291773, tại thửa đất số 295, tờ bản đồ số 1 và tài sản trên đất 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 70m<sup>2</sup>. Do ủy ban nhân dân huyện Cư Mgar cấp cho ông Nguyễn Bá Dũng ngày 06/9/2012.

Trường hợp ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến trả được số tiền nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông Dũng, bà Yến.

#### ***Về án phí dân sự:***

Do chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn nên ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Cụ thể:

$$76.092.400đ \times 5\% = 3.804.000 \text{ đ (Ba triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng).}$$

Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Các Điều 355 và Điều 474, Điều 719 của Bộ luật dân sự 2005; điểm c, đ khoản 2 Điều 24 quyết định số 1627/2001/NQ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nhà nước việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng ngày 31/12/2001. Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án.

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch Ea Pôk thuộc chi nhánh huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Buộc ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch Ea Pôk thuộc chi nhánh huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk số tiền: 76.092.400đ (trong đó nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 26.092.400đ), tạm tính đến ngày 10/11/2016 và tiếp tục tính lãi suất phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng, tính từ ngày 11/11/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Trường hợp ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ Ngân hàng thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch Ea Pôk thuộc chi nhánh huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án bán đấu giá tài sản thế chấp để thanh toán khoản nợ trên.

Tài sản thế chấp: Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BL 291773, tại thửa đất số 295, tờ bản đồ số 1 và tài sản trên đất 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 70m<sup>2</sup>. Do ủy ban nhân dân huyện Cư Mgar cấp cho ông Nguyễn Bá Dũng ngày 06/9/2012.

Trường hợp ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến trả được số tiền nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch Ea Pôk thuộc chi nhánh huyện Cư

Mgar, tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông Dũng, bà Yến.

**2. Về án phí:** Ông Nguyễn Bá Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Yến phải nộp 3.804.000đ (Ba triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm .

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch Ea Pôk thuộc chi nhánh huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk được nhận lại số tiền 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2014/0042469 ngày 11/01/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Đồng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật THADS”*

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mẫu số 51-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP  
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

**TÒA ÁN NHÂN DÂN.....<sup>(1)</sup>**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm.....

Tại:<sup>(2)</sup>.....

Với Hội đồng xét xử<sup>(3)</sup> .....gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....<sup>(4)</sup>

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số...../...../.....-.....<sup>(5)</sup>

ngày.....tháng.....năm.....về<sup>(6)</sup>..... giữa:

Nguyên đơn .....

Bị đơn .....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan .....

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật<sup>(8)</sup>.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU<sup>(9)</sup>**

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

TH  
PH  
- C  
T  
PH  
T  
(K)  
gh  
họ  
đ  
d

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**.....<sup>(1)</sup>

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:<sup>(2)</sup>...../...../.....

Ngày:<sup>(3)</sup>.....-.....-.....

V/v tranh chấp<sup>(4)</sup>.....

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN** <sup>(5)</sup>.....

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**<sup>(6)</sup>

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

**- Thư ký phiên tòa:** Ông (Bà).....<sup>(7)</sup>

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân**<sup>(8)</sup>..... tham gia phiên tòa:

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....<sup>(9)</sup> tại .....

xét xử sơ thẩm công khai<sup>(10)</sup> vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....<sup>(11)</sup> ngày..... tháng.....

năm..... về tranh chấp.....<sup>(12)</sup>

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày..... tháng.....

năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:<sup>(13)</sup>.....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(14)</sup>.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(15)</sup>.....

2. Bị đơn:<sup>(16)</sup>.....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:<sup>(17)</sup>.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:<sup>(18)</sup>.....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):<sup>(19)</sup>.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(20)</sup>.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(21)</sup>.....

4. Người làm chứng<sup>(22)</sup>.....

5. Người giám định:<sup>(23)</sup>.....

6. Người phiên dịch:<sup>(24)</sup>.....

**NỘI DUNG VỤ ÁN:** <sup>(25)</sup>

.....  
.....  
.....

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:** <sup>(26)</sup>

[1].....

[2].....

[3].....

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào.....<sup>(27)</sup>.....

<sup>(28)</sup>.....

.....<sup>(29)</sup>

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:**—



Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là

người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thăng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*